TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/DS - PT
Ngày: 20 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLPT- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Xuân T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thế N, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2020, có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Bà Phùng Thị G, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Phùng Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 của nguyên đơn bà Lê Thị Xuân T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phan Thế N trình bày:

Vào ngày 22/5/2019 âm lịch, bà T có cho bà G vay số tiền là 125.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ vay là 02 (hai) tháng sau khi vay tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 0,75%/tháng, mục đích vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau 02 tháng là ngày 22/7/2019 âm lịch bà G chỉ trả cho bà T được số tiền là 5.000.000 đồng, còn nợ lại bà T là 120.000.000 đồng cho đến nay.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà G và ông N phải liên đới hoàn trả cho bà T số tiền vay là 120.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 22/8/2019 (nhằm ngày 22/7/2019 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng, về phương thức trả nợ thì do cơ quan thi hành án dân sự huyện M quyết định.

Bà T không đồng ý việc bà G xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, cũng như không đồng ý miễn tiền lãi cho bà G, lý do là số nợ này đã quá lâu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phùng Thị G trình bày:

Bà G thừa nhận có nợ của bà T số tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng nhưng đây là số nợ tiền hụi chết mà bà còn nợ bà T của tổng cộng 04 dây hụi mà bà còn nợ chưa đóng đủ cho bà T. Vào ngày 22/5/2019 âm lịch bà có viết giấy tay để chốt số nợ tiền hụi của bà T là 125.000.000 đồng, sau đó bà có hứa trả dần cho bà T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng sau đó bà chỉ trả được cho bà T là 5.000.000 đồng tương đương 2,5 tháng (không nhớ ngày, tháng, năm trả nợ) nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng bà còn nợ nhiều người khác bên ngoài, hơn nữa bà và chồng là ông Nguyễn Văn N chỉ đi làm thuê thu nhập thấp nên chưa có khả năng trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà T được.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà liên đới trả 120.000.000 đồng thì vợ chồng bà cũng đồng ý trả cho bà T nhưng phương thức trả nợ là mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, riêng tiền lãi mà bà T yêu cầu thì bà đề nghị bà T cho bà được miễn số tiền lãi này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Xuân T: Buộc bà Phùng Thị G và ông Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho bà Lê Thị Xuân T số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và 27.240.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 147.240.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2022, bị đơn bà Phùng Thị G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà G đồng ý trả cho bà T số tiền vốn 120.000.000 đồng, riêng tiền lãi bà xin được miễn do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà được trả dần số tiền 120.000.000 đồng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi bà G không đồng ý trả do hoàn cảnh khó khăn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phùng Thị G thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Lê Thị Xuân T số tiền 120.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T yêu cầu bà G và chồng là ông Nguyễn Văn N phải liên đới trả số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên, bà T, ông N không có kháng cáo nội dung này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả lãi của số tiền 120.000.000 đồng:

Nguyên đơn bà T cho rằng, sau 02 tháng khi vay tiền là ngày 22/7/2019 âm lịch, bà G chỉ trả cho bà T được số tiền là 5.000.000 đồng, bị đơn bà G cũng thừa nhận chỉ trả được cho bà T số tiền là 5.000.000 đồng tương đương 2,5 tháng nhưng không nhớ ngày, tháng, năm. Do đó, có căn cứ xác định từ ngày 22/8/2019 (nhằm ngày 22/7/2019 âm lịch) cho đến ngày 02/3/2022 bà G vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả số nợ 120.000.000 đồng cho bà T, nên buộc bà G phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 22/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/3/2022 với số tiền lãi là 27.240.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà G kháng cáo xin trả dần tiền vốn và không trả lãi nhưng không được phía bà T đồng ý nên

không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà G phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Phùng Thị G.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Xuân T.

Buộc bà Phùng Thị G và ông Nguyễn Văn N phải liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Xuân T số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và 27.240.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 147.240.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Phùng Thị G và ông Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí là 7.362.000 (bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.315.000 (ba triệu ba trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005952 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phùng Thị G phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005061 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng